TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-PT
Ngày: 29-9-2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu.
Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng;
Bà Vũ Ngọc Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Thiện Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/DS-PT ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 30/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Phú Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2021/QĐ-PT ngày 12/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/9/2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan H – Sinh năm: 1969; Nơi cư trú: thôn Đ, Xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1977; Nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 28/9/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 28/9/2021).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thúy D – Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: thôn L, Xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Hoa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn ông Phan H trình bày: Do có quan hệ quen biết làm ăn với nhau nên vào ngày 19/12/2018, ông H cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 15.000.000 đồng và ngày 20/12/2018 cho vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), mục đích vợ chồng

ông H, bà H vay để đáo hạn trả nợ Ngân hàng. Sau đó, vào ngày 20/12/2018, bà H viết và ký giấy vay tiền, hẹn 03 ngày sau trả. Đến hạn trả nợ, bà H không trả nên ông H nhiều lần đến nhà bà H đòi nợ nhưng vợ chồng ông H, bà H không trả mà hẹn nợ. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà H phải trả cho ông H số tiền 35.000.000 đồng.Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông H chỉ khởi kiện yêu cầu buộc một mình bà H trả số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi và không khởi kiện ông H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào ngày 19/12/2018, bà H có vay của ông Phan H số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 20/12/2018, lãi suất trả theo ngân hàng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên, đến hẹn bà H chưa có tiền để trả cho ông H và nhiều lần ông H đến đòi nợ, có lần ông H vào nhà bà H lục tìm tiền nhưng không lấy được. Vào ngày tháng năm nào không nhớ rõ, ông H đến nhà bà H đòi tiền trong lúc có bà Nguyễn Thúy D đang trả tiền cho bà H thì ông H giật lấy số tiền 60.000.000 đồng và giấu vào người, lúc đó ông H (chồng bà H) chạy đến xé áo, bóp cổ ông H và lấy lại tiền, bà H đến can ngăn và ông H bỏ đi. Bà H kiểm đếm lại thấy chỉ còn 20.000.000 đồng, mất 40.000.000 đồng và khẳng định ông H đã cầm số tiền này mang đi. Do đó, bà H không trả số tiền nợ 35.000.000 đồng. Việc ông H đã lấy số tiền 40.000.000 đồng nhiều hơn 5.000.000 đồng so với số tiền bà H nợ nhưng bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 13/11/2020 bà H lại khai nhận không có vay tiền của ông H vì theo giấy nhận nợ ông H cung cấp không có ghi người cho vay là ai, tuy nhiên bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 20/12/2018 với số tiền 35.000.000 đồng là do bà H viết ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày**:** Việc ông Phan H cho bà Nguyễn Thị Thu H vay mượn số tiền bao nhiêu, vay vào thời gian nào thì ông H không biết và ông H cũng không ký giấy tờ vay tiền của ông H, ông H chỉ nghe bà H kể lại có vay của ông H số tiền 35.000.000 đồng để đáo hạn trả nợ ngân hàng. Sau đó, ông H đến nhà vợ chồng ông H đòi nợ, trong lúc có người đến trả nợ thì ông H đến giật tiền trên tay của bà H nên ông H đẩy ông H vào góc nhà định đánh ông H nhưng bà H cản lại, rồi ông H bỏ về. Khi đó, vợ chồng ông H kiểm tra lại tiền thấy mất 40.000.000 đồng nên ông H không đồng ý việc ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải trả số tiền 35.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thúy D trình bày: Vào khoảng 15 giờ ngày 25/02/2019, bà D đến nhà ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H để trả số tiền nợ 40.000.000 đồng. Lúc đó, bà D thấy ông Phan H đang ngồi nói chuyện với bà H, ông H. Bà D cầm cọc tiền đưa qua tay bà H thì bất ngờ ông H giật lấy cọc tiền, làm dây thun buộc cọc tiền bị đứt nên rớt xuống sàn nhà và ông H giật lấy được một số tiền (không rõ bao nhiêu) bỏ vào túi quần, còn bà D và bà H nhặt lại số tiền ở dưới sàn nhà, lúc này ông H dùng tay kẹp cổ ông H và lục túi, xé rách quần áo của ông H, lấy lại toàn bộ số tiền trên người ông H đưa cho bà H. Sau đó, ông H với ông H tiếp tục xô xát và ông H nói với ông H "Tiền của mày từ từ tao trả, mày im miệng không tao giết mày". Một lúc sau, ông H đi đâu

không rõ. Lúc này, bà D cùng bà H kiểm tra lại thấy đủ số tiền 40.000.000 đồng của bà D đem trả nợ cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 30/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Phú Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải trả nợ vay cho ông Phan H số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/01/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu kháng cáo.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày.
- Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng bà Nguyễn Thúy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà H cho rằng trên "Hợp đồng cho vay tiền" không thể hiện họ tên người cho vay tiền là ông H nên bà H không đồng ý trả số

tiền 35.000.000 đồng cho ông H. Tuy nhiên, chính bà H thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy nhận nợ ngày 20/12/2018 với số tiền 35.000.000 đồng là do chính bà H viết ra.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/9/2020 của Công an huyện P và bản tường trình ngày 23/9/2020 người làm chứng bà Nguyễn Thúy D trình bày nội dung: Vào khoảng 15 giờ ngày 25/02/2019, bà D đến nhà ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H để trả số tiền 40.000.000 đồng. Lúc này, bà D thấy ông Phan H đang ngồi nói chuyện với bà H, ông H. Bà D cầm cọc tiền đưa qua tay bà H thì bất ngờ ông H giật lấy cọc tiền, làm dây thun buộc cọc tiền bị đứt nên rớt xuống sàn nhà, ông H liền giật lấy được một số tiền (không rõ bao nhiêu) bỏ vào túi quần, còn số tiền ở dưới sàn nhà thì bà D và bà H nhặt lại, lúc đó ông H dùng tay kẹp cổ ông H lục trong túi áo, túi quần, xé rách quần áo của ông H và lấy toàn bộ tiền trên người ông H đưa cho bà H. Sau đó, ông H và ông H tiếp tục xô đẩy qua lại và ông H nói với ông H "Tiền của mày từ từ tao trả, mày im miệng không tao giết mày". Một lúc sau ông H đi đâu không rõ. Lúc đó, bà D và bà H kiểm tra lại thì đủ số tiền 40.000.000 đồng mà bà D đã trả nợ cho bà H, thể hiện ông H không lấy tiền bà H mang đi là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Đối với việc bà H không thừa nhận nợ tiền ông H theo giấy vay tiền ông H cung cấp cho Tòa vì bà H cho rằng trên "Hợp đồng cho vay tiền" không thể hiện họ tên người cho vay tiền là ông H nên bà H không đồng ý trả số tiền 35.000.000 đồng cho ông H. Tuy nhiên, ông H cho rằng từ trước đến nay ông cho vợ chồng bà H, ông H vay nhiều lần nhưng khi viết giấy nhận nợ chỉ ghi tên người vay, còn người cho vay là bản thân ông H nên ông không ký và viết tên trên hợp đồng vay tiền. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông H và bà H có diễn ra giao dịch vay tiền là có thật, vì trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, chính bà H cùng ông H đều thừa nhận bà H có vay của ông H số tiền 35.000.000 đồng. Hơn nữa, đối với sự việc ông H đến nhà bà H để giật lấy tiền với mục đích để trừ nợ vì nếu bà H không nợ tiền ông H thì không thể xảy ra sự việc ông H đến nhà bà H để giật lấy tiền. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông H số tiền 35.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Từ những căn cứ trên, thấy rằng nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho ông Phan H số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003078 ngày 28/01/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Hoàn lại cho ông Phan Hưng số tiền 875.000 đồng *(Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013480 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chịu

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- TAND huyện Phú Hòa(2);
- CC THADS huyện Phú Hòa;
- P.NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.